

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày: 18 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh S

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hoàng D

Ông Võ Chí T

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ L, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng P - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 04/TB-TA, ngày 24 tháng 2 năm 2025; Thông báo về việc dời ngày xét xử số: 07/TB-TA, ngày 07 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1995, tại tỉnh T. Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1969 Vợ: không; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; về nhân thân: có 01 tiền án vào ngày 24 tháng 10 năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 13 tháng 3 năm 2021 chấp hành xong (Đã được xóa án tích); tiền sự: có 03 tiền sự, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, bị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đưa vào Trường giáo dưỡng 24 tháng; Lần thứ hai vào ngày 25 tháng 11 năm 2021, bị Công an xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Lần thứ ba vào ngày 11 tháng 7 năm 2024, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đưa đi cai nghiện

bắt buộc 18 tháng; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam thành phố Trà Vinh từ ngày 13 tháng 9 năm 2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Nguyễn Quang V, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đồng R, xã T, huyện T, tỉnh T.

2/ Phạm Thị Thúy N, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đoàn Hoài Â, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm 2, phường Q, thị xã D, tỉnh T.

Người làm chứng:

Phạm Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Quang V, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2001 và vợ là chị Phạm Thị Thúy Nhi đang ở nhà thuê tại số 08, đường Phạm Hồng Thái, khóm 2, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Vào ngày 18 tháng 02 năm 2024, anh V và chị N đi công việc tại tỉnh Tây Ninh và giao căn nhà đang thuê cho mẹ ruột của chị N là bà Phạm Thị T trông coi. Vào ngày 26 tháng 02 năm 2024, anh của chị N là bị cáo Phạm Văn Đ đến căn nhà nêu trên thì thấy chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ, biển số 70B1-224.48 của anh V dựng ở phòng khách, không có người trông coi nên bị cáo trộm cắp chiếc xe mô tô này chạy đi rồi sau đó, bị cáo đem cầm cho một người tên Sơn không rõ họ tên và địa chỉ tại xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh với số tiền 5.000.000 đồng, sau đó được anh Đoàn Hoài Â mua lại với giá 11.000.000 đồng.

Đến ngày 01 tháng 3 năm 2024, bị cáo tiếp tục đến căn nhà nêu trên, phát hiện phòng ngủ của vợ chồng anh V không khóa, bị cáo đẩy cửa vào trong thì phát hiện xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Lead, màu đỏ đen, biển số 84L1-735.07 của chị Phạm Thị Thúy N dựng trong phòng ngủ, chìa khóa xe gắn trên xe. Bị cáo liền trộm cắp chiếc xe rồi chạy đến ấp Bên Cát, xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh chơi. Tại đây, bị cáo cho bạn là Nguyễn Văn Út T mượn đem cầm. Sau đó, bị cáo chuộc xe ra rồi đem bán cho một người tên Bảy Thọ không rõ họ tên và địa chỉ tại vòng xoay An Lạc, thành phố Hồ Chí Minh được số tiền 11.000.000 đồng. Có tiền, bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 38/BKLĐGTS ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố

Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại: LEAD, màu đỏ đen, biển số 84L1-735.07 có giá (Giá trị sử dụng còn lại tương đương 80%) thành tiền 20.800.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 59/BKLDGTS ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô, màu đỏ, nhãn hiệu SUZUKI SPORT, biển số 70B1-224.48 có giá 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh thu giữ:

01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI SPORT, màu đỏ, biển số 70B1-224.48. Số khung, số máy không ghi nhận được do bị mờ.

01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 453987, cấp ngày 26 tháng 10 năm 2019. Nơi cấp: Phòng CSGT Công an tỉnh Tây Ninh.

01 (một) chìa khóa xe mô tô bằng kim loại, dài 05cm, một đầu được bọc nhựa màu đen.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu vàng, model: 6300, IC: 661E-RM217, đã qua sử dụng, không có sim, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy.

- Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra chứng minh được giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô, biển số 70B1-224.48 do anh Nguyễn Quang V cung cấp qua giám định là giả và số máy, số khung của xe mô tô, biển số 70B1-224.48 bị cắt dán, hàn thắp. Anh Nguyễn Quang V không biết chứng nhận đăng ký xe là giả nên không xử lý về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh đã đề nghị Trưởng Công an thành phố Trà Vinh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Nguyễn Quang V về hành vi sử dụng giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp và đưa phương tiện đã bị cắt, hàn lại số khung, số máy trái quy định tham gia giao thông với số tiền 900.000 đồng và tịch thu tang vật, phương tiện cụ là xe mô tô, biển số 70B1-224.48 và giấy đăng ký xe và 01 (một) chìa khóa xe mô tô bằng kim loại, dài 05cm, một đầu được bọc nhựa màu đen.

Đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Lead, màu đỏ đen, biển số 84L1-735.07 không thu hồi được.

Hiện đang tạm giữ:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu vàng, model: 6300, IC: 661E-RM217, đã qua sử dụng, không có sim, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Quang V, chị Phạm Thị Thúy N và anh Đoàn Hoài A không yêu cầu bị cáo Phạm Văn Đ bồi thường trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết giải quyết.

Đối với anh Đoàn Hoài Ân khi mua xe không biết xe là do trộm nên không xử lý.

Đối với người đàn ông tên Bảy Thọ do không rõ họ tên và địa chỉ nên không làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Phạm Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Đồng thời đề nghị xử lý tang vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn Đ đã khai nhận: Vào ngày 26 tháng 02 năm 2024 đến ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại khóm 2, phường Q, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Phạm Văn Đ đã hai lần lén lút trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Quang V là 01 (một) xe mô tô, màu đỏ, nhãn hiệu SUZUKI SPORT, biển số 70B1-224.48 trị giá 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và của chị Phạm Thị Thuý N một xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại LEAD, màu đỏ đen, biển số 84L1-735.07 trị giá 20.800.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã hai lần trộm cắp trên có giá trị 35.800.000 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi trộm được tài sản bị cáo đem cầm và bán được 16.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và tang vật chứng đã thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội

phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương, bị cáo lợi dụng lúc chủ tài sản không có ở nhà để chiếm đoạt đem cầm, bán lấy tiền tiêu xài và hút chích. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, bị cáo có ông nội là ông: Nguyễn Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Quang V và chị Phạm Thị Thúy N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Hoài A không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người làm chứng: bà Phạm Thị T có lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra.

[6] Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng, model: 6300, IC: 661E-RM217, đã qua sử dụng, không có sim. Nghĩ nên trả lại cho bị cáo vì không liên quan đến vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Quang V, chị Phạm Thị T Nhi và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Hoài Á không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng, model: 6300, IC: 661E-RM217 đã qua sử dụng, không có sim.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phạm Văn Đ nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- PTTGTPTV;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh S